

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH4
V/v đăng tải kết quả lấy ý kiến cử tri là
đại diện hộ gia đình về Đề án sắp xếp
ĐVHC các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc,
Hoà Bình và Đề án sắp xếp ĐVHC cấp
xã tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Công Thông tin điện tử Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trân trọng đề nghị Công Thông tin điện tử Chính phủ đăng tải kết quả lấy ý kiến cử tri là đại diện hộ gia đình về Đề án sắp xếp ĐVHC các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hoà Bình và Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025, như sau:

1. Kết quả lấy ý kiến cử tri về Đề án sắp xếp ĐVHC các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hoà Bình

Kết quả lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình ở 121 xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Vĩnh Phúc: Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình: 324.103 người. Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến: 321.473 người (đạt 99,19%), trong đó: Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến: 319.831 người (đạt tỷ lệ 99,49%); Số cử tri không đồng ý: 1.538 người (đạt tỷ lệ 0,47%); không hợp lệ: 104 người.

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

2. Kết quả lấy ý kiến cử tri về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025

Kết quả lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình ở 121 xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Vĩnh Phúc: Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình: 324.103 người. Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến: 321.473 người (đạt 99,19%), trong đó: Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến: 319.682 người (đạt tỷ lệ 99,44%); Số cử tri không đồng ý: 1.670 người (đạt tỷ lệ 0,52%); không hợp lệ: 120 người. Các ý kiến khác: Một số ý kiến của cử tri mong muốn và đề xuất cấp có

thẩm quyền nghiên cứu đặt tên các ĐVHC cấp xã có gắn với số thứ tự theo hướng gắn với yếu tố truyền thông lịch sử, văn hóa của địa phương.

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

Sau khi nghiên cứu, xem xét ý kiến của cử tri mong muốn, đề xuất cấp có thẩm quyền nghiên cứu đặt tên các ĐVHC cấp xã có gắn với số thứ tự theo hướng gắn với yếu tố truyền thông lịch sử, văn hóa của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc đã ban hành Công văn số 3576-CV/TU ngày 22/4/2025, đề nghị Đảng ủy UBND tỉnh, Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy nghiên cứu phương án đặt lại tên ĐVHC cấp xã có gắn số thứ tự theo hướng gắn với yếu tố truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương. UBND tỉnh ban hành Công văn số 3095/UBND-TH4 ngày 23/4/2025, đề nghị UBND cấp huyện nghiên cứu, đặt lại tên và tổ chức lấy ý kiến cử tri. UBND cấp huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã lấy ý kiến cử tri là đại diện hộ gia đình đảm bảo dân chủ, đúng quy trình, quy định, tạo được sự đồng thuận cao của Nhân dân.

Kết quả lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình ở 80 xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Vĩnh Phúc có liên quan: Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình: 196.905 người; số cử tri đại diện hộ gia đình tham gia lấy ý kiến: 194.864 người (đạt 98,96%), trong đó số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến: 98,33 (đạt 98,33%); số cử tri không đồng ý: 3.100 người (đạt 1,57%);

(Chi tiết có Phụ lục III kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trân trọng đề nghị Công thông tin điện tử Chính phủ đăng tải kết quả lấy ý kiến cử tri về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025 theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Như kính gửi;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thành phố;
- CPVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông

Phụ lục I
TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI
VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC TỈNH VINH PHÚC, TỈNH PHÚ THỌ VÀ TỈNH HÒA BÌNH
Kèm theo Công văn số /UBND-TH4 ngày / /2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh						Số phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	
1	2	3	4	5 = 4/3*100	6	7 = 6/3*100	8 = 6/4*100	9	10	11	12
	Tổng cộng	324.103	321.473	99,19	319.831	98,68	99,49	1.538	0,47	0,48	104
I	Huyện Sông Lô	28.470	28.076	98,62	28.019	98,42	99,80	55	0,19	0,20	2
1	Xã Hải Lựu	2.490	2.490	100,00	2488	99,92	99,92	2	0,08	0,08	0
2	Xã Quang Yên	2.248	2.134	95	2124	94,48	99,53	9	0,40	0,42	1
3	Xã Lăng Công	1.827	1.747	95,62	1743	95,40	99,77	4	0,22	0,23	0
4	Xã Nhân Đạo	1.556	1.521	97,75	1519	97,62	99,87	2	0,13	0,13	0
5	Xã Đôn Nhân	1.441	1.419	98,47	1419	98,47	100	0	0,00	0,00	0
6	Xã Phương Khoan	1.446	1.440	99,59	1433	99,10	99,51	7	0,48	0,49	0
7	Xã Đồng Quế	1.368	1.335	97,59	1333	97,44	99,85	2	0,15	0,15	0
8	Xã Tân Lập	1.686	1.686	100	1686	100	100,00	0	0,00	0,00	0
9	Xã Yên Thạch	1.985	1.985	100	1979	99,70	99,70	6	0,30	0,30	0
10	Xã Tứ Yên	1.298	1.272	98,00	1272	98,00	100	0	0,00	0,00	0
11	Xã Đồng Thịnh	2.661	2.651	99,62	2639	99,17	99,55	11	0,41	0,41	1
12	Xã Đức Bắc	1.892	1.856	98,10	1852	97,89	99,78	4	0,21	0,22	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh						Số phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	
13	Xã Cao Phong	3.035	3.035	100	3027	99,74	99,74	8	0,26	0,26	0
14	Thị trấn Tam Sơn	3.537	3.505	99,10	3505	99,10	100,00	0	0,00	0,00	0
II	Huyện Lập Thạch	39.693	39.685	99,98	39.653	99,90	99,92	32	0,08	0,08	0
1	Xã Xuân Hòa	2.961	2.959	99,93	2.950	99,63	99,70	9	0,30	0,30	0
2	Thị trấn Lập Thạch	2.254	2.254	100	2.254	100	100	0	0,00	0,00	0
3	Xã Tử Du	2.107	2.107	100	2.107	100	100	0	0,00	0,00	0
4	Xã Vân Trục	1.402	1.402	100	1.401	99,93	99,93	1	0,07	0,07	0
5	Xã Tiên Lữ	1.477	1.477	100	1.477	100	100	0	0,00	0,00	0
6	Xã Xuân Lôì	2.062	2.062	100	2.062	100	100	0	0,00	0,00	0
7	Xã Văn Quán	1.466	1.466	100	1.466	100	100	0	0,00	0,00	0
8	Xã Đồng Ích	3.521	3.521	100	3.521	100	100	0	0,00	0,00	0
9	Xã Bắc Bình	2.009	2.003	99,70	2.001	99,60	99,90	2	0,10	0,10	0
10	Xã Thái Hòa	2.199	2.199	100	2.196	99,86	99,86	3	0,14	0,14	0
11	Xã Liên Sơn	1.913	1.913	100	1.909	99,79	99,79	4	0,21	0,21	0
12	Xã Liên Hòa	1.936	1.936	100	1.936	100	100	0	0,00	0,00	0
13	Thị trấn Hoa Sơn	1.811	1.811	100	1.800	99,39	99,39	11	0,61	0,61	0
14	Xã Bàn Giản	1.655	1.655	100	1.655	100	100	0	0,00	0,00	0
15	Xã Ngọc Mỹ	1.676	1.676	100	1.676	100	100	0	0,00	0,00	0
16	Xã Quang Sơn	1.682	1.682	100	1.682	100	100	0	0,00	0,00	0
17	Xã Hợp Lý	1.468	1.468	100	1.466	99,86	99,86	2	0,14	0,14	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh						Số phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	
18	Xã Tây Sơn	3.639	3.639	100	3.639	100	100	0	0,00	0,00	0
19	Xã Sơn Đông	2.455	2.455	100	2.455	100	100	0	0,00	0,00	0
III	Huyện Tam Đảo	24.532	24.030	97,95	23.913	97,48	99,51	93	0,38	0,39	24
1	Xã Minh Quang	3.243	3.172	97,81	3.170	97,75	99,94	2	0,06	0,06	0
2	Thị trấn Hợp Châu	3.056	2.808	91,88	2.782	91,03	99,07	26	0,85	0,93	0
3	Thị trấn Tam Đảo	254	254	100	252	99,21	99,21	2	0,79	0,79	0
4	Xã Hồ Sơn	2.326	2.316	99,57	2.307	99,18	99,61	9	0,39	0,39	0
5	Thị trấn Đại Đình	3.410	3.354	98,36	3.346	98,12	99,76	8	0,23	0,24	0
6	Xã Bồ Lý	2.181	2.079	95,32	2.075	95,14	99,81	4	0,18	0,19	0
7	Xã Đạo Trù	4.077	4.077	100	4.049	99,31	99,31	6	0,15	0,15	0
8	Xã Yên Dương	1.556	1.556	100	1.547	99,42	99,42	7	0,45	0,45	0
9	Xã Tam Quan	4.429	4.414	99,66	4.385	99,01	99,34	29	0,65	0,66	0
IV	Huyện Tam Dương	33.421	33.420	100	33.327	99,72	99,72	92	0,28	0,28	1
1	Thị trấn Hợp Hòa	3.566	3.566	100	3.552	99,61	99,61	14	0,39	0,39	0
2	Thị trấn Kim Long	3.188	3.188	100	3.179	99,72	99,72	9	0,28	0,28	0
3	Xã Hương Đạo	3.129	3.129	100	3.124	99,84	99,84	5	0,16	0,16	0
4	Xã Đạo Tú	2.032	2.032	100	2.027	99,75	99,75	5	0,25	0,25	0
5	Xã Duy Phiên	3.140	3.140	100	3.097	98,63	98,63	43	1,37	1,37	0
6	Xã Hội Thịnh	3.959	3.959	100	3.959	100	100	0	0,00	0,00	0
7	Xã Thanh Vân	2.084	2.084	100	2.080	99,81	99,81	4	0,19	0,19	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh						Số phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	
8	Xã An Hòa	2.039	2.038	99,95	2.038	99,95	100	0	0,00	0,00	0
9	Xã Hoàng Đan	2.318	2.318	100	2.316	99,91	99,91	2	0,09	0,09	0
10	Xã Hoàng Lâu	1.837	1.837	100	1.837	100	100	0	0,00	0,00	0
11	Xã Đồng Tĩnh	4.067	4.067	100	4.058	99,78	99,78	9	0,22	0,22	0
12	Xã Hoàng Hoa	2.062	2.062	100	2.060	99,90	99,90	1	0,05	0,05	0
V	Huyện Vĩnh Tường	60.398	60.266	99,78	60.195	99,66	99,88	70	0,12	0,12	1
1	Xã Lương Điền	5.371	5.347	99,55	5.341	99,44	99,89	6	0,11	0,11	0
2	Xã Vũ Di	1.393	1.393	100	1.393	100	100	0	0,00	0,00	0
3	Xã Vĩnh Tường	3.078	3.078	100	3.078	100	100	0	0,00	0,00	0
4	Thị trấn Tứ Trưng	2.348	2.348	100	2.342	99,74	99,74	6	0,26	0,26	0
5	Xã Thượng Trưng	2.671	2.671	100	2.658	99,51	99,51	13	0,49	0,49	0
6	Xã Tuấn Chính	2.015	1.984	98,46	1.984	98,46	100	0	0,00	0,00	0
7	Thị trấn Thổ Tang	5.707	5.707	100	5.688	99,67	99,67	19	0,33	0,33	0
8	Xã Nghĩa Hưng	2.423	2.423	100	2.423	100	100	0	0,00	0,00	0
9	Xã Yên Lập	2.259	2.232	98,80	2.231	98,76	99,96	1	0,04	0,04	0
10	Xã Đại Đồng	4.687	4.658	99,38	4.658	99,38	100	0	0,00	0,00	0
11	Xã Kim Xá	2.492	2.492	100	2.492	100	100		0,00	0,00	0
12	Xã Yên Bình	2.483	2.483	100	2.482	99,96	99,96	1	0,04	0,04	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh						Số phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	
13	Xã Chấn Hưng	2.321	2.321	100	2.314	99,70	99,70	7	0,30	0,30	0
14	Xã Ngũ Kiên	2.340	2.340	100	2.339	99,96	99,96	1	0,04	0,04	0
15	Xã An Nhân	4.490	4.490	100	4.489	99,98	99,98	1	0,02	0,02	0
16	Xã Vĩnh Thịnh	2.626	2.626	100	2.611	99,43	99,43	14	0,53	0,53	1
17	Xã Vĩnh Phú	2.850	2.850	100	2.849	99,96	99,96	1	0,04	0,04	0
18	Xã Sao Đại Việt	3.705	3.705	100	3.705	100	100	0	0,00	0,00	0
19	Xã Lũng Hòa	3.111	3.101	99,68	3.101	99,68	100	0	0,00	0,00	0
20	Xã Tân Phú	2.028	2.017	99,46	2.017	99,46	100	0	0,00	0,00	0
VI	Huyện Yên Lạc	42.527	41.822	98,34	41.586	97,79	99,44	236	0,55	0,56	0
1	Thị trấn Yên Lạc	3.746	3.689	98,48	3.683	98,32	99,84	6	0,16	0,16	0
2	Xã Bình Định	2.728	2.728	100	2.679	98,20	98,20	49	1,80	1,80	0
3	Xã Đồng Cương	2.277	2.277	100	2.263	99,39	99,39	14	0,61	0,61	0
4	Xã Đồng Văn	3.315	3.315	100	3.313	99,94	99,94	2	0,06	0,06	0
5	Xã Tề Lỗ	2.655	2.655	100	2.651	99,85	99,85	4	0,15	0,15	0
6	Xã Trung Nguyên	3.261	3.217	98,65	3.198	98,07	99,41	19	0,58	0,59	0
7	Xã Đại Tự	2.416	2.396	99,17	2.381	98,55	99,37	15	0,62	0,63	0
8	Xã Hồng Châu	3.035	2.973	97,96	2.964	97,66	99,70	9	0,30	0,30	0
9	Xã Liên Châu	2.070	2.070	100	2.060	99,52	99,52	10	0,48	0,48	0
10	Thị trấn Tam Hồng	4.341	4.130	95,14	4.124	95,00	99,85	6	0,14	0,15	0
11	Xã Yên Phương	2.429	2.315	95,31	2.315	95,31	100	0	0,00	0,00	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh						Số phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	
12	Xã Yên Đồng	3.296	3.219	97,66	3.199	97,06	99,38	20	0,61	0,62	0
13	Xã Nguyệt Đức	1.948	1.945	99,85	1.930	99,08	99,23	15	0,77	0,77	0
14	Xã Văn Tiến	1.526	1.526	100,00	1.491	97,71	97,71	35	2,29	2,29	0
15	Xã Trung Hà	1.764	1.647	93,37	1.642	93,08	99,70	5	0,28	0,30	0
16	Xã Trung Kiên	1.720	1.720	100	1.693	98,43	98,43	27	1,57	1,57	0
VII	Huyện Bình Xuyên	36.451	35.777	98,15	35.311	96,87	98,70	405	1,11	1,13	61
1	Thị trấn Hương Canh	4.721	4.678	99,09	4.675	99,03	99,94	3	0,06	0,06	0
2	Xã Tam Hợp	2.300	2.258	98,17	2.223	96,65	98,45	33	1,43	1,46	2
3	Xã Quất Lưu	1.518	1.518	100	1.517	99,93	99,93	1	0,07	0,07	0
4	Xã Sơn Lôi	2.960	2.935	99,16	2.880	97,30	98,13	36	1,22	1,23	19
5	Thị trấn Thanh Lãng	3.667	3.378	92,12	3.323	90,62	98,37	55	1,50	1,63	0
6	Thị trấn Đạo Đức	3.461	3.394	98,06	3.287	94,97	96,85	103	2,98	3,03	4
7	Xã Phú Xuân	1.716	1.686	98,25	1.664	96,97	98,70	8	0,47	0,47	14
8	Xã Tân Phong	1.910	1.861	97,43	1.853	97,02	99,57	4	0,21	0,21	4
9	Xã Hương Sơn	2.323	2.314	99,61	2.306	99,27	99,65	8	0,34	0,35	0
10	Thị trấn Gia Khánh	2.629	2.627	99,92	2.614	99,43	99,51	13	0,49	0,49	0
11	Xã Thiện Kế	2.369	2.350	99,20	2.267	95,69	96,47	76	3,21	3,23	7
12	Thị trấn Bá Hiến	4.569	4.476	97,96	4.420	96,74	98,75	56	1,23	1,25	0
13	Xã Trung Mỹ	2.308	2.302	99,74	2.282	98,87	99,13	9	0,39	0,39	11

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh						Số phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (%)	
VIII	Thành phố Vĩnh Yên	33.010	32.845	99,50	32.587	98,72	99,21	251	0,76	0,76	7
1	Phường Ngô Quyền	1.405	1.405	100	1.403	99,86	99,86	2	0,14	0,14	0
2	Phường Đồng Đa	2.285	2.285	100	2.281	99,82	99,82	4	0,18	0,18	0
3	Phường Định Trung	2.945	2.945	100	2.944	99,97	99,97	1	0,03	0,03	0
4	Phường Liên Bảo	6.157	6.023	97,82	5.928	96,28	98,42	89	1,45	1,48	6
5	Phường Khai Quang	5.133	5.133	100	5.052	98,42	98,42	81	1,58	1,58	0
1	Phường Tích Sơn	2.643	2.641	99,92	2.624	99,28	99,36	17	0,64	0,64	0
2	Phường Hội Hợp	4.348	4.348	100,00	4.328	99,54	99,54	20	0,46	0,46	0
3	Phường Đồng Tâm	5.274	5.263	99,79	5.238	99,32	99,52	24	0,46	0,46	1
4	Xã Thanh Trù	2.820	2.802	99,36	2.789	98,90	99,54	13	0,46	0,46	0
IX	Thành phố Phúc Yên	25.601	25.552	99,81	25.240	98,59	98,78	304	1,19	1,19	8
1	Phường Hai Bà Trưng	4.303	4.303	100	4.240	98,54	98,54	63	1,46	1,46	0
2	Phường Phúc Thắng	3.177	3.177	100	3.111	97,92	97,92	66	2,08	2,08	0
3	Phường Hùng Vương	2.586	2.537	98,11	2.464	95,28	97,12	72	2,78	2,84	1
4	Phường Tiền Châu	3.156	3.156	100	3.121	98,89	98,89	35	1,11	1,11	0
5	Phường Nam Viêm	1.982	1.982	100	1.963	99,04	99,04	18	0,91	0,91	1
6	Phường Xuân Hòa	2.697	2.697	100	2.688	99,67	99,67	9	0,33	0,33	0
7	Phường Đồng Xuân	1.452	1.452	100	1.432	98,62	98,62	14	0,96	0,96	6
8	Xã Cao Minh	2.996	2.996	100	2.981	99,50	99,50	15	0,50	0,50	0
9	Xã Ngọc Thanh	3.252	3.252	100	3.240	99,63	99,63	12	0,37	0,37	0

Phụ lục II
TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH VINH PHÚC NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH4 ngày / /2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
1	2	3	4	5=4/3	6	7 = 6/3	8 = 6/4	9	10	11	12
	Tổng cộng	324.103	321.473	99,19	319.682	98,64	99,44	1.670	0,52	0,52	120
I	Huyện Sông Lô	25.435	25.041	98,45	24.970	98,17	99,72	63	0,25	0,25	8
	Xã Tam Sơn	6.591	6.526	99,01	6.523	98,97	99,95	3	0,05	0,05	0
1	Xã Đồng Quế	1.368	1.335	97,59	1.332	97,37	99,78	3	0,22	0,22	0
2	Xã Tân Lập	1.686	1.686	100,00	1.686	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Thị trấn Tam Sơn	3.537	3.505	99,10	3.505	99,10	100,00	0	0,00	0,00	0
	Xã Sông Lô	7.836	7.764	99,08	7.743	98,81	99,73	14	0,18	0,18	7
1	Xã Tứ Yên	1.298	1.272	98,00	1.272	98,00	100,00	0	0,00	0,00	0
2	Xã Đồng Thịnh	2.661	2.651	99,62	2.639	99,17	99,55	11	0,41	0,41	1
3	Xã Đức Bắc	1.892	1.856	98,10	1.853	97,94	99,84	3	0,16	0,16	0
4	Xã Yên Thạch	1.985	1.985	100,00	1.979	99,70	99,70	0	0,00	0,00	6
	Xã Hải Lựu	6.933	6.870	99,09	6.836	98,60	99,51	34	0,49	0,49	0
1	Xã Nhân Đạo	1.556	1.521	97,75	1.494	96,02	98,22	27	1,74	1,78	0
2	Xã Đôn Nhân	1.441	1.419	98,47	1.419	98,47	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Xã Hải Lựu	2.490	2.490	100,00	2.490	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
4	Xã Phương Khoan	1.446	1.440	99,59	1.433	99,10	99,51	7	0,48	0,49	0
	Xã Yên Lãng	4.075	3.881	95,24	3.868	94,92	99,67	12	0,29	0,31	1
1	Xã Quang Yên	2.248	2.134	94,93	2.121	94,35	99,39	12	0,53	0,56	1
2	Xã Lãng Công	1.827	1.747	95,62	1.747	95,62	100,00	0	0,00	0,00	0
II	Huyện Lập Thạch	42.728	42.720	99,98	42.632	99,78	99,79	88	0,21	0,21	0
	Xã Lập Thạch	8.724	8.722	99,98	8.715	99,90	99,92	7	0,08	0,08	0
1	Xã Xuân Hòa	2.961	2.959	99,93	2.953	99,73	99,80	6	0,20	0,20	0
2	Thị trấn Lập Thạch	2.254	2.254	100,00	2.254	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Xã Tử Du	2.107	2.107	100,00	2.107	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
4	Xã Vân Trục	1.402	1.402	100,00	1.401	99,93	99,93	1	0,07	0,07	0
	Xã Tiên Lữ	8.526	8.526	100,00	8.526	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
1	Xã Tiên Lữ	1.477	1.477	100,00	1.477	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
2	Xã Xuân Lôi	2.062	2.062	100,00	2.062	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Xã Văn Quán	1.466	1.466	100,00	1.466	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
4	Xã Đồng Ích	3.521	3.521	100,00	3.521	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
	Xã Thái Hòa	6.121	6.115	99,90	6.085	99,41	99,51	30	0,49	0,49	0
1	Xã Bắc Bình	2.009	2.003	99,70	1.999	99,50	99,80	4	0,20	0,20	0
2	Xã Thái Hòa	2.199	2.199	100,00	2.196	99,86	99,86	3	0,14	0,14	0
3	Xã Liễn Sơn	1.913	1.913	100,00	1.890	98,80	98,80	23	1,20	1,20	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
	Xã Liên Hòa	5.402	5.402	100,00	5.361	99,24	99,24	41	0,76	0,76	0
1	Xã Liên Hòa	1.936	1.936	100,00	1.936	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
2	Thị trấn Hoa Sơn	1.811	1.811	100,00	1.770	97,74	97,74	41	2,26	2,26	0
3	Xã Bàn Giản	1.655	1.655	100,00	1.655	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
	Xã Hợp Lý	4.826	4.826	100,00	4.824	99,96	99,96	2	0,04	0,04	0
1	Xã Ngọc Mỹ	1.676	1.676	100,00	1.676	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
2	Xã Quang Sơn	1.682	1.682	100,00	1.682	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Xã Hợp Lý	1.468	1.468	100,00	1.466	99,86	99,86	2	0,14	0,14	0
	Xã Sơn Đông	9.129	9.129	100,00	9.121	99,91	99,91	8	0,09	0,09	0
1	Xã Tây Sơn	3.639	3.639	100,00	3.639	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
2	Xã Sơn Đông	2.455	2.455	100,00	2.455	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Xã Cao Phong-Sông Lô	3.035	3.035	100,00	3.027	99,74	99,74	8	0,26	0,26	0
III	Huyện Tam Đảo	20.103	19.616	97,58	19.537	97,18	99,60	55	0,27	0,28	24
	Xã Tam Đảo	8.879	8.550	96,29	8.519	95,95	99,64	31	0,35	0,36	0
1	Thị trấn Hợp Châu	3.056	2.808	91,88	2.791	91,33	99,39	17	0,56	0,61	0
2	Xã Minh Quang	3.243	3.172	97,81	3.170	97,75	99,94	2	0,06	0,06	0
3	Thị trấn Tam Đảo	254	254	100,00	251	98,82	98,82	3	1,18	1,18	0
4	Xã Hồ Sơn	2.326	2.316	99,57	2.307	99,18	99,61	9	0,39	0,39	0
	Xã Đại Đình	5.591	5.433	97,17	5.421	96,96	99,78	12	0,21	0,22	0
1	Thị trấn Đại Đình	3.410	3.354	98,36	3.346	98,12	99,76	8	0,23	0,24	0
2	Xã Bò Lý	2.181	2.079	95,32	2.075	95,14	99,81	4	0,18	0,19	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
	Xã Đạo Trù	5.633	5.633	100,00	5.597	99,36	99,36	12	0,21	0,21	24
1	Xã Đạo Trù	4.077	4.077	100,00	4.052	99,39	99,39	3	0,07	0,07	22
2	Xã Yên Dương	1.556	1.556	100,00	1.545	99,29	99,29	9	0,58	0,58	2
IV	Huyện Tam Dương	37.850	37.834	99,96	37.638	99,44	99,48	195	0,52	0,52	1
	Xã Tam Dương	11.915	11.915	100,00	11.880	99,71	99,71	35	0,29	0,29	0
1	Thị trấn Hợp Hòa	3.566	3.566	100,00	3.551	99,58	99,58	15	0,42	0,42	0
2	Thị trấn Kim Long	3.188	3.188	100,00	3.179	99,72	99,72	9	0,28	0,28	0
3	Xã Đạo Tú	2.032	2.032	100,00	2.029	99,85	99,85	3	0,15	0,15	0
4	Xã Hướng Đạo	3.129	3.129	100,00	3.121	99,74	99,74	8	0,26	0,26	0
	Xã Hội Thịnh	9.183	9.183	100,00	9.135	99,48	99,48	48	0,52	0,52	0
1	Xã Duy Phiên	3.140	3.140	100,00	3.097	98,63	98,63	43	1,37	1,37	0
2	Xã Hội Thịnh	3.959	3.959	100,00	3.957	99,95	99,95	2	0,05	0,05	0
3	Xã Thanh Vân	2.084	2.084	100,00	2.081	99,86	99,86	3	0,14	0,14	0
	Xã Hoàng An	6.194	6.193	99,98	6.187	99,89	99,90	6	0,10	0,10	0
1	Xã An Hòa	2.039	2.038	99,95	2.034	99,75	99,80	4	0,20	0,20	0
2	Xã Hoàng Đan	2.318	2.318	100,00	2.316	99,91	99,91	2	0,09	0,09	0
3	Xã Hoàng Lô	1.837	1.837	100,00	1.837	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
	Xã Tam Dương Bắc	10.558	10.543	99,86	10.436	98,84	98,99	106	1,00	1,01	1
1	Xã Tam Quan-Tam Đảo	4.429	4.414	99,66	4.317	97,47	97,80	97	2,19	2,20	0
2	Xã Đồng Tĩnh	4.067	4.067	100,00	4.058	99,78	99,78	9	0,22	0,22	0
3	Xã Hoàng Hoa	2.062	2.062	100,00	2.061	99,95	99,95	0	0,00	0,00	1

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
V	Huyện Vĩnh Tường	60.398	60.266	99,78	60.186	99,65	99,87	78	0,13	0,13	2
	Xã Vĩnh Tường	12.190	12.166	99,80	12.153	99,70	99,89	13	0,11	0,11	0
1	Xã Lương Diền	5.371	5.347	99,55	5.341	99,44	99,89	6	0,11	0,11	0
2	Xã Vũ Di	1.393	1.393	100,00	1.393	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Thị trấn Vĩnh Tường	3.078	3.078	100,00	3.078	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
4	Thị trấn Tứ Trưng	2.348	2.348	100,00	2.341	99,70	99,70	7	0,30	0,30	0
	Xã Thổ Tang	10.393	10.362	99,70	10.331	99,40	99,70	31	0,30	0,30	0
1	Xã Thượng Trưng	2.671	2.671	100,00	2.658	99,51	99,51	13	0,49	0,49	0
2	Xã Tuân Chính	2.015	1.984	98,46	1.984	98,46	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Thị trấn Thổ Tang	5.707	5.707	100,00	5.689	99,68	99,68	18	0,32	0,32	0
	Xã Vĩnh Hưng	9.369	9.313	99,40	9.312	99,39	99,99	0	0,00	0,00	1
1	Xã Nghĩa Hưng	2.423	2.423	100,00	2.423	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
2	Xã Yên Lập	2.259	2.232	98,80	2.231	98,76	99,96	0	0,00	0,00	1
3	Xã Đại Đồng	4.687	4.658	99,38	4.658	99,38	100,00	0	0,00	0,00	0
	Xã Vĩnh An	7.296	7.296	100,00	7.281	99,79	99,79	15	0,21	0,21	0
1	Xã Kim Xá	2.492	2.492	100,00	2.492	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
2	Xã Yên Bình	2.483	2.483	100,00	2.479	99,84	99,84	4	0,16	0,16	0
3	Xã Chấn Hưng	2.321	2.321	100,00	2.310	99,53	99,53	11	0,47	0,47	0
	Xã Vĩnh Phú	12.306	12.306	100,00	12.286	99,84	99,84	19	0,15	0,15	1
1	Xã Ngũ Kiên	2.340	2.340	100,00	2.339	99,96	99,96	1	0,04	0,04	0
2	Xã An Nhân	4.490	4.490	100,00	4.489	99,98	99,98	1	0,02	0,02	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
3	Xã Vĩnh Thịnh	2.626	2.626	100,00	2.610	99,39	99,39	15	0,57	0,57	1
4	Xã Vĩnh Phú	2.850	2.850	100,00	2.848	99,93	99,93	2	0,07	0,07	0
	Xã Vĩnh Thành	8.844	8.823	99,76	8.823	99,76	100,00	0	0,00	0,00	0
1	Xã Sao Đại Việt	3.705	3.705	100,00	3.705	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
2	Xã Lũng Hòa	3.111	3.101	99,68	3.101	99,68	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Xã Tân Phú	2.028	2.017	99,46	2.017	99,46	100,00	0	0,00	0,00	0
VI	Huyện Yên Lạc	42.527	41.822	98,34	41.552	97,71	99,35	270	0,63	0,65	0
	Xã Yên Lạc	8.751	8.694	99,35	8.632	98,64	99,29	62	0,71	0,71	0
1	Thị trấn Yên Lạc	3.746	3.689	98,48	3.683	98,32	99,84	6	0,16	0,16	0
2	Xã Bình Định	2.728	2.728	100,00	2.687	98,50	98,50	41	1,50	1,50	0
3	Xã Đồng Cương	2.277	2.277	100,00	2.262	99,34	99,34	15	0,66	0,66	0
	Xã Tề Lỗ	9.231	9.187	99,52	9.158	99,21	99,68	29	0,31	0,32	0
1	Xã Đồng Văn	3.315	3.315	100,00	3.313	99,94	99,94	2	0,06	0,06	0
2	Xã Tề Lỗ	2.655	2.655	100,00	2.655	100,00	100,00	0	0,00	0,00	0
3	Xã Trung Nguyên	3.261	3.217	98,65	3.190	97,82	99,16	27	0,83	0,84	0
	Xã Liên Châu	7.521	7.439	98,91	7.400	98,39	99,48	39	0,52	0,52	0
1	Xã Đại Tự	2.416	2.396	99,17	2.383	98,63	99,46	13	0,54	0,54	0
2	Xã Hồng Châu	3.035	2.973	97,96	2.959	97,50	99,53	14	0,46	0,47	0
3	Xã Liên Châu	2.070	2.070	100,00	2.058	99,42	99,42	12	0,58	0,58	0
	Xã Tam Hồng	10.066	9.664	96,01	9.618	95,55	99,52	46	0,46	0,48	0
1	Thị trấn Tam Hồng	4.341	4.130	95,14	4.124	95,00	99,85	6	0,14	0,15	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
2	Xã Yên Phương	2.429	2.315	95,31	2.295	94,48	99,14	20	0,82	0,86	0
3	Xã Yên Đồng	3.296	3.219	97,66	3.199	97,06	99,38	20	0,61	0,62	0
	Xã Nguyệt Đức	6.958	6.838	98,28	6.744	96,92	98,63	94	1,35	1,37	0
1	Xã Nguyệt Đức	1.948	1.945	99,85	1.921	98,61	98,77	24	1,23	1,23	0
2	Xã Văn Tiến	1.526	1.526	100,00	1.487	97,44	97,44	39	2,56	2,56	0
3	Xã Trung Hà	1.764	1.647	93,37	1.643	93,14	99,76	4	0,23	0,24	0
4	Xã Trung Kiên	1.720	1.720	100,00	1.693	98,43	98,43	27	1,57	1,57	0
VII	Huyện Bình Xuyên	36.451	35.777	98,15	35.268	96,75	98,58	438	1,20	1,22	71
	Xã Bình Nguyên	11.499	11.389	99,04	11.313	98,38	99,33	55	0,48	0,48	21
1	Thị trấn Hương Canh	4.721	4.678	99,09	4.677	99,07	99,98	1	0,02	0,02	0
2	Xã Tam Hợp	2.300	2.258	98,17	2.239	97,35	99,16	17	0,74	0,75	2
3	Xã Quất Lưu	1.518	1.518	100,00	1.517	99,93	99,93	1	0,07	0,07	0
4	Xã Sơn Lôi	2.960	2.935	99,16	2.880	97,30	98,13	36	1,22	1,23	19
	Xã Xuân Lãng	10.754	10.319	95,95	10.109	94,00	97,96	188	1,75	1,82	22
1	Thị trấn Thanh Lãng	3.667	3.378	92,12	3.309	90,24	97,96	69	1,88	2,04	0
2	Thị trấn Đạo Đức	3.461	3.394	98,06	3.282	94,83	96,70	108	3,12	3,18	4
3	Xã Phú Xuân	1.716	1.686	98,25	1.663	96,91	98,64	9	0,52	0,53	14
4	Xã Tân Phong	1.910	1.861	97,43	1.855	97,12	99,68	2	0,10	0,11	4
	Xã Bình Xuyên	7.321	7.291	99,59	7.168	97,91	98,31	116	1,58	1,59	7
1	Xã Hương Sơn	2.323	2.314	99,61	2.310	99,44	99,83	4	0,17	0,17	0
2	Thị trấn Gia Khánh	2.629	2.627	99,92	2.601	98,93	99,01	26	0,99	0,99	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
3	Xã Thiện Kế	2.369	2.350	99,20	2.257	95,27	96,04	86	3,63	3,66	7
	Xã Bình Tuyên	6.877	6.778	98,56	6.678	97,11	98,52	79	1,15	1,17	21
1	Thị trấn Bá Hiến	4.569	4.476	97,96	4.409	96,50	98,50	67	1,47	1,50	0
2	Xã Trung Mỹ	2.308	2.302	99,74	2.269	98,31	98,57	12	0,52	0,52	21
VIII	Thành phố Vĩnh Yên	33.010	32.845	99,50	32.601	98,76	99,26	237	0,72	0,72	7
	Phường Vĩnh Phúc	17.925	17.791	99,25	17.626	98,33	99,07	159	0,89	0,89	6
1	Phường Ngô Quyền	1.405	1.405	100,00	1.402	99,79	99,79	3	0,21	0,21	0
2	Phường Đồng Đa	2.285	2.285	100,00	2.282	99,87	99,87	3	0,13	0,13	0
3	Phường Định Trung	2.945	2.945	100,00	2.944	99,97	99,97	1	0,03	0,03	0
4	Phường Liên Bảo	6.157	6.023	97,82	5.910	95,99	98,12	107	1,74	1,78	6
5	Phường Khai Quang	5.133	5.133	100,00	5.088	99,12	99,12	45	0,88	0,88	0
	Phường Vĩnh Yên	15.085	15.054	99,79	14.975	99,27	99,48	78	0,52	0,52	1
1	Phường Tích Sơn	2.643	2.641	99,92	2.626	99,36	99,43	15	0,57	0,57	0
2	Phường Hội Hợp	4.348	4.348	100,00	4.324	99,45	99,45	24	0,55	0,55	0
3	Phường Đồng Tâm	5.274	5.263	99,79	5.238	99,32	99,52	24	0,46	0,46	1
4	Xã Thanh Trù	2.820	2.802	99,36	2.787	98,83	99,46	15	0,53	0,54	0
IX	Thành phố Phúc Yên	25.601	25.552	99,81	25.298	98,82	99,01	246	0,96	0,96	8
	Phường Phúc Yên	15.204	15.155	99,68	14.982	98,54	98,86	171	1,12	1,13	2
1	Phường Hai Bà Trưng	4.303	4.303	100,00	4.263	99,07	99,07	40	0,93	0,93	0
2	Phường Phúc Thắng	3.177	3.177	100,00	3.143	98,93	98,93	34	1,07	1,07	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: (Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ)
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
3	Phường Hùng Vương	2.586	2.537	98,11	2.483	96,02	97,87	53	2,05	2,09	1
4	Phường Tiền Châu	3.156	3.156	100,00	3.125	99,02	99,02	31	0,98	0,98	0
5	Phường Nam Viêm	1.982	1.982	100,00	1.968	99,29	99,29	13	0,66	0,66	1
	Phường Xuân Hòa	10.397	10.397	100,00	10.316	99,22	99,22	75	0,72	0,72	6
1	Phường Xuân Hòa	2.697	2.697	100,00	2.685	99,56	99,56	12	0,44	0,44	0
2	Phường Đồng Xuân	1.452	1.452	100,00	1.411	97,18	97,18	35	2,41	2,41	6
3	Xã Cao Minh	2.996	2.996	100,00	2.981	99,50	99,50	15	0,50	0,50	0
4	Xã Ngọc Thanh	3.252	3.252	100,00	3.239	99,60	99,60	13	0,40	0,40	0

Phụ lục III
TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI
VỀ THAY ĐỔI TÊN GỌI ĐVHC CẤP XÃ GẮN SỐ THỨ TỰ SANG TÊN GỌI GẮN VỚI LỊCH SỬ
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH4 ngày / /2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (Cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
1	2	3	4	5 = 4/3	6	7 = 6/3	8 = 6/4	9	10	11	12
A	Tổng cộng	196,905	194,864	98.96	191,602	97.31	98.33	3,100	1.57	1.59	162
I	HUYỆN SÔNG LÔ	25,450	25,148	98.81	25,021	98.31	99.49	126	0.50	0.50	1
	Xã Sông Lô đổi thành xã Tam Sơn	6,590	6,536	99.18	6,467	98.13	98.94	69	1.05	1.06	0
1	Tam Sơn	3,537	3,509	99.21	3505	99.10	99.89	4	0.11	0.11	0
2	Đồng Quế	1,368	1,342	98.10	1277	93.35	95.16	65	4.75	4.84	0
3	Tân Lập	1,685	1,685	100.00	1685	100.00	100.00	0	-	-	0
	Xã Sông Lô 1 đổi thành xã Sông Lô	7,836	7,775	99.22	7,765	99.09	99.87	10	0.13	0.13	0
1	Tứ Yên	1,298	1,290	99.38	1290	99.38	100.00	0	-	-	0
2	Đồng Thịnh	2,661	2,651	99.62	2650	99.59	99.96	1	0.04	0.04	0
3	Đức Bắc	1,892	1,849	97.73	1847	97.62	99.89	2	0.11	0.11	0
4	Yên Thạch	1,985	1,985	100.00	1978	99.65	99.65	7	0.35	0.35	0
	Xã Sông Lô 2 đổi thành xã Hải Lựu	6,933	6,862	98.98	6,819	98.36	99.37	43	0.62	0.63	0
1	Nhân Đạo	1,556	1,521	97.75	1519	97.62	99.87	2	0.13	0.13	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (Cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
2	Đôn Nhân	1,441	1,411	97.92	1411	97.92	100.00	0	-	-	0
3	Hải Lựu	2,490	2,490	100.00	2489	99.96	99.96	1	0.04	0.04	0
4	Phương Khoan	1,446	1,440	99.59	1400	96.82	97.22	40	2.77	2.78	0
	Xã Sông Lô 3 đổi thành xã Yên Lãng	4,091	3,975	97.16	3,970	97.04	99.87	4	0.10	0.10	1
1	Quang Yên	2,248	2,181	97.02	2178	96.89	99.86	2	0.09	0.09	1
2	Lãng Công	1,843	1,794	97.34	1792	97.23	99.89	2	0.11	0.11	0
II	HUYỆN LẬP THẠCH	24,875	24,875	100.00	24,828	99.81	99.81	47	0.19	0.19	0
	Xã Lập Thạch 1 đổi thành xã Tiên Lữ	8,526	8,526	100.00	8,526	100.00	100.00	0	-	-	0
1	UBND xã Tiên Lữ	1,477	1,477	100.00	1,477	100.00	100.00	0	-	-	0
2	UBND xã Xuân Lôi	2,062	2,062	100.00	2,062	100.00	100.00	0	-	-	0
3	UBND xã Văn Quán	1,466	1,466	100.00	1,466	100.00	100.00	0	-	-	0
4	UBND xã Đồng Ích	3,521	3,521	100.00	3,521	100.00	100.00	0	-	-	0
	Xã Lập Thạch 2 đổi thành xã Thái Hòa	6,121	6,121	100.00	6,111	99.84	99.84	10	0.16	0.16	0
1	UBND xã Bắc Bình	2,009	2,009	100.00	2,005	99.80	99.80	4	0.20	0.20	0
2	UBND xã Thái Hòa	2,199	2,199	100.00	2,199	100.00	100.00	0	-	-	0
3	UBND xã Liên Sơn	1,913	1,913	100.00	1,907	99.69	99.69	6	0.31	0.31	0
	Xã Lập Thạch 3 đổi thành xã Liên Hòa	5,402	5,402	100.00	5,366	99.33	99.33	36	0.67	0.67	0
1	UBND xã Liên Hòa	1,936	1,936	100.00	1,936	100.00	100.00	0	-	-	0
2	UBND thị trấn Hoa Sơn	1,811	1,811	100.00	1,775	98.01	98.01	36	1.99	1.99	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (Cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
3	UBND xã Bàn Giản	1,655	1,655	100.00	1,655	100.00	100.00	0	-	-	0
	Xã Lập Thạch 4 đổi thành xã Hợp Lý	4,826	4,826	100.00	4,825	99.98	99.98	1	0.02	0.02	0
1	UBND xã Ngọc Mỹ	1,676	1,676	100.00	1,675	99.94	99.94	1	0.06	0.06	0
2	UBND xã Quang Sơn	1,682	1,682	100.00	1,682	100.00	100.00	0	-	-	0
3	UBND xã Hợp Lý	1,468	1,468	100.00	1,468	100.00	100.00	0	-	-	0
III	HUYỆN TAM ĐẢO	11,425	11,147	97.57	10,789	94.43	96.79	311	2.72	2.79	47
	Xã Tam Đảo 1 đổi thành xã Đại Đình	5,612	5,508	98.15	5,391	96.06	97.88	95	1.69	1.72	22
1	UBND thị trấn Đại Đình	3,410	3,365	98.68	3,365	98.68	100.00	0	-	-	0
2	UBND xã Bồ Lý	2,202	2,143	97.32	2,026	92.01	94.54	95	4.31	4.43	22
	Xã Tam Đảo 2	5,813	5,639	97.01	5,398	92.86	95.73	216	3.72	3.83	25
1	UBND Đạo Trù	4,256	4,091	96.12	4,055	95.28	99.12	11	0.26	0.27	25
2	UBND xã Yên Dương	1,557	1,548	99.42	1,343	86.26	86.76	205	13.17	13.24	0
IV	HUYỆN TAM DƯƠNG:	25,935	25,807	99.51	25,463	98.18	98.67	298	1.15	1.15	46
	Xã Tam Dương 1 đổi thành xã Hội Thịnh	9,183	9,183	100.00	8,958	97.55	97.55	207	2.25	2.25	18
1	Duy Phiên	3,140	3,140	100.00	2,990	95.22	95.22	132	4.20	4.20	18
2	Hội Thịnh	3,959	3,959	100.00	3,959	100.00	100.00	0	-	-	0
3	Thanh Vân	2,084	2,084	100.00	2,009	96.40	96.40	75	3.60	3.60	0
	Xã Tam Dương 2 đổi thành xã An Hòa	6,194	6,128	98.93	6,121	98.82	99.89	7	0.11	0.11	0
1	An Hòa	2,039	1,976	96.91	1,971	96.67	99.75	5	0.25	0.25	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (Cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
2	Hoàng Đan	2,318	2,315	99.87	2313	99.78	99.91	2	0.09	0.09	0
3	Hoàng Lâu	1,837	1,837	100.00	1,837	100.00	100.00	0	-	-	0
	Xã Tam Dương 3 đổi thành xã Tam Dương Bắc	10,558	10,496	99.41	10,384	98.35	98.93	84	0.80	0.80	28
1	Tam Quan - Tam Đảo	4,429	4,396	99.25	4,299	97.06	97.79	70	1.58	1.59	27
2	Đồng Tĩnh	4,067	4,067	100.00	4,054	99.68	99.68	13	0.32	0.32	0
3	Hoàng Hoa	2,062	2,033	98.59	2,031	98.50	99.90	1	0.05	0.05	1
V	HUYỆN VĨNH TƯỜNG	37,814	37,748	99.83	37,713	99.73	99.91	35	0.09	0.09	0
	Xã Vĩnh Tường 1 đổi thành xã Vĩnh Hưng	9,369	9,323	99.51	9,323	99.51	100.00	0	-	-	0
1	UBND xã Nghĩa Hưng	2,423	2,423	100.00	2,423	100.00	100.00	0	-	-	0
2	UBND xã Yên Lập	2,259	2,239	99.11	2,239	99.11	100.00	0	-	-	0
3	UBND xã Đại Đồng	4,687	4,661	99.45	4,661	99.45	100.00	0	-	-	0
	Xã Vĩnh Tường 2 đổi thành xã Vĩnh An	7,296	7,295	99.99	7,280	99.78	99.79	15	0.21	0.21	0
1	UBND xã Kim Xá	2,492	2,492	100.00	2,492	100.00	100.00	0	-	-	0
2	UBND xã Yên Bình	2,483	2,483	100.00	2,479	99.84	99.84	4	0.16	0.16	0
3	UBND xã Chấn Hưng	2,321	2,320	99.96	2,309	99.48	99.53	11	0.47	0.47	0
	Xã Vĩnh Tường 3 đổi thành xã Vĩnh Phú	12,305	12,305	100.00	12,304	99.99	99.99	1	0.01	0.01	0
1	UBND xã Ngũ Kiên	2,339	2,339	100.00	2,339	100.00	100.00	0	-	-	0
2	UBND xã An Nhân	4,490	4,490	100.00	4,490	100.00	100.00	0	-	-	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (Cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
3	UBND xã Vĩnh Thịnh	2,626	2,626	100.00	2,625	99.96	99.96	1	0.04	0.04	0
4	UBND xã Vĩnh Phú	2,850	2,850	100.00	2,850	100.00	100.00	0	-	-	0
	Xã Vĩnh Tường 4 đổi thành xã Vĩnh Thành	8,844	8,825	99.79	8,806	99.57	99.78	19	0.21	0.22	0
1	UBND xã Sao Đại Việt	3,705	3,705	100.00	3,691	99.62	99.62	14	0.38	0.38	0
2	UBND xã Lũng Hòa	3,111	3,101	99.68	3,096	99.52	99.84	5	0.16	0.16	0
3	UBND xã Tân Phú	2,028	2,019	99.56	2,019	99.56	100.00	0	-	-	0
VI	HUYỆN YÊN LẠC	24,559	23,910	97.36	23,702	96.51	99.13	205	0.83	0.86	3
	Xã Yên Lạc 1 đổi thành xã Liên Châu	7,527	7,428	98.68	7,296	96.93	98.22	129	1.71	1.74	3
1	UBND xã Đại Tự	2,422	2,375	98.06	2,262	93.39	95.24	111	4.58	4.67	2
2	UBND xã Hồng Châu	3,035	2,983	98.29	2,966	97.73	99.43	16	0.53	0.54	1
3	UBND xã Liên Châu	2,070	2,070	100.00	2,068	99.90	99.90	2	0.10	0.10	0
	Xã Yên Lạc 2 đổi thành xã Tam Hồng	10,066	9,659	95.96	9,621	95.58	99.61	38	0.38	0.39	0
1	UBND thị trấn Tam Hồng	4,341	4,167	95.99	4,166	95.97	99.98	1	0.02	0.02	0
2	UBND xã Yên Phương	2,429	2,327	95.80	2,315	95.31	99.48	12	0.49	0.52	0
3	UBND xã Yên Đồng	3,296	3,165	96.03	3,140	95.27	99.21	25	0.76	0.79	0
	Xã Yên Lạc 3 đổi thành xã Nguyệt Đức	6,966	6,823	97.95	6,785	97.40	99.44	38	0.55	0.56	0
1	UBND xã Nguyệt Đức	1,956	1,942	99.28	1,942	99.28	100.00	0	-	-	0
2	UBND xã Văn Tiến	1,526	1,526	100.00	1,503	98.49	98.49	23	1.51	1.51	0

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (Cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
3	UBND xã Trung Hà	1,764	1,703	96.54	1,703	96.54	100.00	0	-	-	0
4	UBND xã Trung Kiên	1,720	1,652	96.05	1,637	95.17	99.09	15	0.87	0.91	0
VII	HUYỆN BÌNH XUYÊN	36,450	35,832	98.30	33,710	92.48	94.08	2,057	5.64	5.74	65
	Xã Bình Xuyên đổi thành xã Bình Nguyên	11,499	11,417	99.29	11,095	96.49	97.18	320	2.78	2.80	2
1	TT Hương Canh	4721	4670	98.92	4484	94.98	96.02	186	3.94	3.98	0
2	Xã Tam Hợp	2300	2293	99.70	2238	97.30	97.60	53	2.30	2.31	2
3	Xã Quất Lưu	1518	1518	100.00	1486	97.89	97.89	32	2.11	2.11	0
4	Xã Sơn Lôi	2960	2936	99.19	2887	97.53	98.33	49	1.66	1.67	0
	Xã Bình Xuyên 1 đổi thành xã Xuân Lãng	10,753	10,321	95.98	8,743	81.31	84.71	1,563	14.54	15.14	15
1	Thị trấn Thanh Lãng	3667	3397	92.64	3339	91.06	98.29	58	1.58	1.71	0
2	Thị trấn Đạo Đức	3461	3356	96.97	1939	56.02	57.78	1,407	40.65	41.92	10
3	Xã Phú Xuân	1715	1693	98.72	1638	95.51	96.75	53	3.09	3.13	2
4	Xã Tân Phong	1910	1875	98.17	1827	95.65	97.44	45	2.36	2.40	3
	Xã Bình Xuyên 2 đổi thành xã Bình Xuyên	7,321	7,290	99.58	7,282	99.47	99.89	8	0.11	0.11	0
1	Xã Hương Sơn	2323	2316	99.70	2310	99.44	99.74	6	0.26	0.26	0
2	Thị trấn Gia Khánh	2629	2629	100.00	2627	99.92	99.92	2	0.08	0.08	0
3	Xã Thiện Kế	2369	2345	98.99	2345	98.99	100.00	0	-	-	0
	Xã Bình Xuyên 3 đổi thành xã Bình Tuyền	6,877	6,804	98.94	6,590	95.83	96.85	166	2.41	2.44	48
1	Thị trấn Bá Hiến	4,569	4,496	98.40	4309	94.31	95.84	144	3.15	3.20	43

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số hộ gia đình (Cử tri đại diện hộ gia đình)			Kết quả lấy ý kiến sắp xếp ĐVHC cấp xã						Ghi chú: Số cử tri bỏ phiếu không hợp lệ
		Tổng số cử tri (tổng số hộ gia đình)	Số cử tri đã tham gia lấy ý kiến (cử tri đại diện)	Đạt tỷ lệ (%)	Số cử tri đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	Số cử tri không đồng ý	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với tổng số hộ gia đình) (%)	Tỷ lệ (Số cử tri không đồng ý so với số cử tri đã tham gia lấy ý kiến) (%)	
2	Xã Trung Mỹ	2,308	2,308	100.00	2281	98.83	98.83	22	0.95	0.95	5
VIII	THÀNH PHỐ PHÚC YÊN	10,397	10,397	100.00	10,376	99.80	99.80	21	0.20	0.20	0
	Phường Phúc Yên 1 đổi thành phường Xuân Hòa	10,397	10,397	100.00	10,376	99.80	99.80	21	0.20	0.20	0
1	Xã Ngọc Thanh	3,252	3,252	100.00	3,252	100.00	100.00	0	-	-	0
2	Phường Đồng Xuân	1,452	1,452	100.00	1,438	99.04	99.04	14	0.96	0.96	0
3	Phường Xuân Hòa	2,697	2,697	100.00	2,697	100.00	100.00	0	-	-	0
4	Xã Cao Minh	2,996	2,996	100.00	2,989	99.77	99.77	7	0.23	0.23	0

Trang cuối./.